

Số: 544/QĐ-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy hoạch phát triển Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội
giai đoạn 2011 - 2015; 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030**

Căn cứ Quyết định số 372/CP ngày 17/12/1980 của Hội đồng Chính Phủ về việc thành lập Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-BVHTTDL ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-SKĐA ngày 20/6/2007 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại,

QUYẾT ĐỊNH:

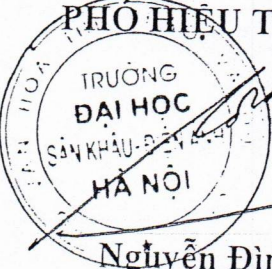
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy hoạch phát triển Trường đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 và tầm nhìn 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và toàn thể cán bộ, viên chức Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Thi

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2011

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2011-2015; 2016-2020 VÀ TẦM NHÌN 2030**

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG

Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập năm 1980, trên cơ sở hai trường: Trường Trung học Nghệ thuật Sân khấu và Trường Điện ảnh Việt Nam (cả hai trường đều được thành lập năm 1959), là một trong những trường đào tạo nghệ thuật có tuổi đời nhiều nhất của Việt Nam hiện nay và là trường duy nhất, lớn nhất của Việt Nam đào tạo cán bộ làm công tác trong lĩnh vực Sân khấu, Điện ảnh, Truyền hình Nhiếp ảnh, Múa.....có trình độ đại học, và trên đại học.

Hơn 35 năm xây dựng và phát triển với bề dày kinh nghiệm đào tạo các ngành nghệ thuật đặc thù; có điều kiện tiếp cận các tiến bộ mới về kỹ thuật và công nghệ được ứng dụng trong các ngành nghệ thuật sân khấu, điện ảnh - truyền hình, Trường đã đạt được thành tựu đáng kể trong lĩnh vực đào tạo Sân khấu, Điện ảnh, Truyền hình và đã đóng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền Sân khấu, Điện ảnh, Truyền hình Việt Nam. Hiện nay hầu hết các cán bộ quản lý, những nghệ sĩ sáng tác, biểu diễn nổi tiếng ở các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình trong cả nước đều được đào tạo từ trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Trong đó có nhiều nghệ sĩ đã thành danh được phong danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, nhà nghiên cứu giỏi, cán bộ quản lý.

Quy mô và chất lượng đào tạo của Trường từng bước được nâng cao, hiện nay có trên 40 ngành/chuyên ngành đào tạo với các bậc đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp đến tiến sĩ; ngoài ra còn được tổ chức tại nhiều cơ sở khác nhau do có sự liên kết đào tạo theo yêu cầu của một số địa phương. Hiệu quả đào tạo đáp ứng được nhu cầu phát triển hiện tại của các ngành sân khấu, điện ảnh - truyền hình trong cả nước, được xã hội thừa nhận.

Trường là thành viên chính thức của tổ chức CILECT (Hiệp hội các trường điện ảnh và truyền hình quốc tế) và ATEC (Trung tâm Đào tạo sân

khẩu châu Á). Cả hai tổ chức quốc tế này, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội là cơ sở đào tạo duy nhất của Việt Nam là thành viên.

Trước những đòi hỏi rất cao về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, truyền hình... của cả nước, với vị trí đầu ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, mỹ thuật,... để có nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp nguồn lực cho Trường nói riêng cũng như ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình Việt Nam nói chung, việc xây dựng quy hoạch phát triển Trường với đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và chuẩn bị tốt đội ngũ giảng viên kế cận, các điều kiện phù hợp với sự phát triển chung của ngành giáo dục và đào tạo là cần thiết.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG

1. Về thực hiện nhiệm vụ.

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; sự giúp đỡ tận tình của các Vụ chức năng của Bộ và sự hợp tác có hiệu quả với các cơ quan, đơn vị trong ngành Trường đại học Sân khấu đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao trong Quyết định số 2571/QĐ - BVHTTDL ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du Lịch. Thực hiện tốt chức năng của một trường đào tạo nghệ thuật, kết hợp tốt giữa đào tạo đại trà với đào tạo tinh hoa; vừa đào tạo nguồn nhân lực cung cấp cho các ngành sân khấu, điện ảnh - truyền hình, vừa phát hiện, bồi dưỡng các tài năng sáng tạo trong các lĩnh vực đó cho đất nước.

Là Trường đào tạo nghệ thuật đa ngành, mặc dù mỗi chuyên ngành đều mang tính đặc thù riêng, nhưng Trường luôn thực hiện nghiêm túc quy định, quy chế giáo dục đại học; xây dựng và phát triển môi trường dạy - học và nghiên cứu khoa học chuẩn mực; khuyến khích, thúc đẩy và tôn trọng những hoạt động sáng tạo trong giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường nhằm đóng góp cho sự phát triển của Trường, của ngành và của xã hội; xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các sở đào tạo, và các viện nghiên cứu ở khu vực và quốc tế, nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường.

2. Về cơ cấu tổ chức và biên chế:

2.1. Về cơ cấu tổ chức;

2.1.1. Lãnh đạo Trường

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng

2.1.2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học;
- Phòng Công tác chính trị, Quản lý học sinh, sinh viên;
- Phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại;
- Phòng Tài vụ;
- Phòng Hành chính, Quản trị;

2.1.3. Các khoa chuyên môn:

- Khoa Nhiếp ảnh;
 - Khoa Nghệ thuật Điện ảnh;
 - Khoa Sân khấu;
 - Khoa Múa;
 - Khoa Kịch hát dân tộc;
 - Khoa Thiết kế mỹ thuật;
 - Khoa Kinh tế, Kỹ thuật điện ảnh và truyền hình;
 - Khoa Truyền hình;
-
- Khoa Mác - Lênin và Kiến thức cơ bản;
 - Khoa Tại chức;
 - Khoa Sau đại học.

2.1.4. Các tổ chức trực thuộc:

- Viện Sân khấu - Điện ảnh;
- Xưởng phim Thực nghiệm;
- Nhà hát Thể nghiệm;
- Trung tâm Thông tin, Thư viện;
- Trung tâm Kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;
- Trung tâm Tin học, Ngoại ngữ;
- Ban Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

2.1.5. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.6. Các đoàn thể và tổ chức xã hội

2.2. Về biên chế

Tổng biên chế được giao năm 2011 là 195 chỉ tiêu: (biên chế sự nghiệp: 187 người, Hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 08 người)

- Số người làm việc theo chức năng, nhiệm vụ của Trường tính đến ngày 01/12/2011: 192

Trong đó: +Công chức, viên chức : 126 người

+ Hợp đồng NĐ68/NĐ-CP: 07 người

+ Khác: 59 người

3. Thuận lợi, khó khăn và vướng mắc

- Thuận lợi:

+ Là một trường đặc thù chuyên đào tạo năng khiếu nghệ thuật sân khấu và điện ảnh nên chương trình đào tạo của Nhà trường mang tính ứng dụng cao, có mục tiêu rõ ràng. Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dưới sự chỉ đạo theo hệ thống ngành dọc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới; có sự tham gia của các chuyên gia, các nhà chuyên môn, các giảng viên, cán bộ quản lý có trình độ và có kinh nghiệm; đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và các cơ sở sáng tác, biểu diễn về nghệ thuật sân khấu và điện ảnh... Các chương trình đào tạo các ngành của Trường có cấu trúc hợp lý, có khối lượng kiến thức (lý thuyết và thực hành) đáp ứng được nhu cầu của xã hội và phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đội ngũ cán bộ quản lý, có kinh nghiệm, tâm huyết với sự nghiệp đào tạo nghệ thuật; có chủ trương và chính sách nhất quán trong xây dựng đội ngũ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, gắn đào tạo với thực tế sáng tác; chú trọng, tạo điều kiện về mọi mặt cho cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu đa dạng về ngành, chuyên ngành. Nhiều người có trình độ cao, có kinh nghiệm trong đào tạo; có học hàm, học vị hoặc tương đương của đào tạo nghệ thuật là nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú. Trường còn là nơi quy tụ đông đảo các nghệ sĩ, các nhà khoa học, các nhà quản lý uy tín nhất của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình cộng tác.

+ Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất của Trường đã được đầu tư xây dựng đáng kể, đặc biệt là hệ thống giảng đường và nhà làm việc. Tập trung được nguồn lực, cơ sở vật chất, tạo điều kiện thực hiện tốt các dự án khoa học công nghệ, các đề tài nghiên cứu cấp quốc gia, cấp Bộ về lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình...

+ Trường cũng đã có truyền thống và kinh nghiệm trong hợp tác quốc tế, luôn mở rộng quan hệ hợp tác, liên kết trong và ngoài nước để đào tạo các tài năng nghệ thuật, các cán bộ chuyên môn cao cho ngành và cho xã hội.

- Khó khăn, tồn tại và hạn chế:

+ Về đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên cơ hữu còn mỏng, thiếu về số lượng, một số chuyên ngành chưa đủ đáp ứng quy mô đào tạo và trình độ không đồng đều. Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên còn hạn chế. Thiếu giảng viên, cán bộ khoa học đầu ngành ở một số lĩnh vực có khả năng dẫn dắt và kết nối các nhu cầu nghiên cứu. Khả năng tham gia nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên còn gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được thói quen nghiên cứu;

Giảng viên thỉnh giảng có nhiều kinh nghiệm, gắn bó lâu năm với trường nhiều người tuổi đã cao. Việc trẻ hoá đội ngũ gặp nhiều khó khăn về nguồn tuyển, khá nhiều giảng viên trẻ chưa có điều kiện rèn luyện để trưởng thành trong nghề nghiệp chuyên môn.

+ Tổ chức, quản lý đào tạo

Là trường đại học đào tạo nghệ thuật đa ngành, mỗi chuyên ngành đều có đặc thù riêng nhưng hành lang pháp lý, cơ chế cho một trường đặc thù nhiều bất cập, chưa được giải quyết; công tác đào tạo các ngành nghệ thuật sân khấu, điện ảnh của Nhà trường hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập. Quy mô và chất lượng đào tạo ở một số ngành, đặc biệt là những ngành nghệ thuật sân khấu truyền thống, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội;

Trường chưa triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ. Chưa đổi mới phương pháp tổ chức, quản lý đào tạo, phương pháp giảng dạy của một số chuyên ngành; nội dung, chương trình còn thiên về lý thuyết, thiếu thực hành; chưa phát huy tính tích cực, tự học và nghiên cứu của sinh viên. Nhiều sinh viên chưa năng động, sáng tạo, còn yếu về kỹ năng thực hành, thiếu hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và hạn chế về năng lực giao lưu quốc tế;

Một số chương trình đào tạo còn thiếu linh hoạt, chậm đổi mới và chưa cập nhật thường xuyên; Chưa xây dựng những đề tài khoa học lớn trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình... thu hút sự tham gia của nhiều nhà khoa học; chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mũi nhọn đủ mạnh để tham gia đấu thầu các chương trình nghiên cứu lớn của nhà nước và quốc tế; hiệu quả nghiên cứu khoa học còn hạn chế;

Việc khai thác, mở rộng hợp tác giao lưu, liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước; xây dựng các chương trình hợp tác quy mô lớn, có tính chiến lược để Trường có thể nhanh chóng hội nhập và phát triển còn gặp nhiều khó khăn (kinh phí, trình độ ngoại ngữ, năng lực của cán bộ, giảng viên, nguồn tuyển sinh...,)

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, tài liệu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học còn thiếu, không đồng bộ; Thư viện của Trường chưa tương xứng với vị thế, vai trò của một trường đào tạo nghệ thuật lớn và chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên.

+ Về tài chính

Nguồn tài chính còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước; sự đóng góp của người học thấp; Kinh phí đầu tư cho phát triển nguồn lực con người và cơ sở vật chất, thiết bị để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội còn thấp, chưa được quan tâm đúng mức;

Vốn đầu tư của nhà nước bị cắt giảm. Dự án đầu tư xây dựng Trường đã được Chính phủ phê duyệt gặp nhiều khó khăn khi triển khai.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2011-2015; 2016 – 2020 VÀ TẦM NHÌN 2030

1. Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển đối với lĩnh vực hoạt động của Trường giai đoạn 2011-2015; 2016 - 2020, tầm nhìn 2030

Mục tiêu	2011-2015	2016- 2020	2030
1. Đào tạo	- Khẳng định vị trí cao của sản phẩm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình. - Hoàn thành nền tảng cơ bản cho việc áp dụng hệ thống quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. - Thêm mới một số ngành học hoặc chuyên ngành, căn cứ vào nhu cầu của xã hội.	- Phát triển thêm một số chuyên ngành mới. - Sử dụng một phần chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài cho các ngành học. - Hoàn thiện hệ thống đào tạo tín chỉ về nội dung chương trình, cơ chế quản lý và phương pháp đào tạo đạt chuẩn mực Việt Nam. - Sản phẩm đào tạo được chú trọng, năng lực làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế.	- Hoàn thiện cơ cấu ngành học với các chuyên ngành khác nhau. - Quá trình đào tạo và nghiên cứu gắn bó chặt chẽ với nhu cầu thực tế. - Sản phẩm đào tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường nhân lực nghệ thuật trong bối cảnh hội nhập.

2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	- Kiện toàn bộ máy và nhân sự quản lý hoạt động khoa học. - Nâng số lượng sản phẩm khoa học tính cho một cán bộ khoa học. - Tham gia đóng góp vào việc xây dựng các ngành sản xuất, điện ảnh, truyền hình.	- Nâng cao năng lực viện nghiên cứu khoa học. - Triển khai cơ chế nghiên cứu theo đơn đặt hàng. - Mở rộng liên kết nghiên cứu trong và ngoài nước. - Tham gia phản biện, tư vấn chính sách và hoạt động thực tiễn liên quan tới các chuyên ngành đang đào tạo.	- Trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng đạt chuẩn quốc gia và có khả năng tham gia các nghiên cứu hợp tác quốc tế. - Đảm bảo sự gắn bó giữa hoạt động đào tạo và khoa học với nhu cầu thực tiễn.
3. Hợp tác quốc tế	- Hoàn thành và triển khai các dự án mời chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy tại Việt Nam như: Bỉ, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nga... - Thiết lập hoạt động của đội ngũ chuyên gia nước ngoài. - Bổ sung nhân lực và đào tạo đội ngũ cho bộ phận hợp tác quốc tế.	- Xây dựng các dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học. - Thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên với các cơ sở đào tạo nước ngoài. - Đạt thoả thuận đối tác chiến lược trong quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học. - Tiếp tục mở rộng các quan hệ hợp tác đào tạo cho các chuyên ngành khác nhau. Khai thác và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia tư vấn.	- Bình đẳng trong quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học và phát triển.
4. Cung ứng dịch vụ xã hội	- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế để hoàn chỉnh chương trình đào tạo bồi dưỡng theo chuyên đề đáp ứng nhu cầu xã hội.	Hình thành các trung tâm cung ứng dịch vụ: đào tạo, tư vấn, ngoại ngữ. - Chuyên nghiệp hoá hoạt động cung ứng	- Hoàn thiện và phát triển các trung tâm cung ứng dịch vụ.

	- Mở rộng chuyên ngành đào tạo. - Quản lý và khai thác các dịch vụ.	dịch vụ: Hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp; tổ chức dự án sản xuất phim	
5. Uy tín	- Khẳng định vị trí trên thị trường về chuyên ngành đào tạo sân khấu, điện ảnh, truyền hình. - Đảm bảo chất lượng các ngành học đang đào tạo.	- Tạo ảnh hưởng xã hội thông qua chất lượng đào tạo, sản phẩm nghiên cứu và dịch vụ xã hội cung ứng.	- Khẳng định thương hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội trong khu vực và quốc tế.

2. Quy hoạch phát triển

a) Mô hình và cơ chế hoạt động

Mô hình : Là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và nghiên cứu khoa học chất lượng cao về nghệ thuật sân khấu, điện ảnh - truyền hình. Hướng tới xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm Quốc gia trong đào tạo nghệ thuật sân khấu và điện ảnh – truyền hình.

Cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội về cơ bản là tương đối phù hợp chức năng, nhiệm vụ và quy mô hoạt động của Trường đại học. Để xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm Quốc gia trong đào tạo nghệ thuật sân khấu và điện ảnh – truyền hình có uy tín trong khu vực, đủ năng lực để hội nhập quốc tế và để phù hợp với cấu trúc mô hình đào tạo chuyên sâu, tính chất đào tạo đặc thù, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đề xuất :

- Đổi tên Trường thành Học viện nghệ thuật Sân khấu - Điện ảnh Quốc gia (Tên tiếng Anh: Vietnam National Academy of Art Theatre and Cinema), với cơ cấu ngành nghề phù hợp, tự chủ trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, có khả năng huy động nguồn lực xã hội; xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của trường ngày càng hiện đại, mang tính chuyên nghiệp; trở thành là một trong các Học viện đào tạo sân khấu, điện ảnh - truyền hình có uy tín trong khối ASEAN.

- Tách Phòng Hành chính, Quản trị thành 02 phòng: Phòng Hành chính, Tổng hợp và Phòng Quản trị, Kỹ thuật và Thiết bị;
- Tách Phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại thành 02 phòng: Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Hợp tác quốc tế;

b) Về đào tạo

- Mở rộng quy mô đào tạo đại học (chính quy, vừa làm vừa học), thạc sĩ, tiến sĩ. Trong đó tập trung cho đào tạo sau đại học nhằm cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật nói riêng và toàn ngành nói chung.

- Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, mở một số ngành đào tạo mới: Nhà sản xuất phim, Truyền thông đa phương tiện, hóa trang, quản lý nghệ... trình độ đại học; Triển khai đào tạo văn bằng hai cho một số chuyên ngành của các khoa NT ĐA, khoa Truyền hình, khoa Sân khấu...; liên kết đào tạo với các địa phương trong cả nước, đáp ứng nhu cầu của người học và các nhà tuyển dụng lao động.

- Hàng năm, trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình đào tạo của tất cả các hệ đào tạo. Ít nhất 2 năm một lần, tổ chức khảo sát, hội nghị bàn về chương trình đào tạo với các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên để lấy ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo của Trường.

- Triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ ở các môn kiến thức đại cương, đồng thời tiếp tục chuẩn bị về chương trình, nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học để thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở các môn liên ngành và chuyên ngành

- Đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng tự học, tự nghiên cứu của người học.

- Tiến hành việc mạng hoá và sử dụng phần mềm quản lý kết quả học tập cho người học.

c) Cơ sở vật chất:

Xây dựng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng, đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập giảng dạy thực hành, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thực tiễn trong các loại hình nghệ thuật về sân khấu, điện ảnh, truyền hình.

Dự kiến nhu cầu sử dụng nhà, đất của Trường đến 2020, tầm nhìn 2030 (phụ lục 01 kèm theo)

d) Nhân lực: Xây dựng đội cán bộ, ngũ giảng viên đủ về số lượng để phù hợp với việc tăng quy mô sinh viên nhằm chủ động trong việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, đồng thời tạo nguồn lực mạnh mẽ để có thể triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống.

Đảm bảo đủ số lượng đội ngũ giảng viên theo tỷ lệ **10 sinh viên/1 giảng viên** (quy đổi) như quy định của Chính phủ; Đến năm 2020 tuyển mới để đảm bảo Nhà trường có không dưới 130 giảng viên cơ hữu; Tổ chức đào tạo, bồi

dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn nghiệp vụ, thực tế hoạt động nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

Dự kiến nhu cầu nhân lực của Trường đến giai đoạn 2011-2015; 2016-2020 và tầm nhìn 2030 (phụ lục 02 kèm theo)

d) Năng lực, quy mô hoạt động: (phụ lục 03 kèm theo)

đ) Nhu cầu về tài chính (phụ lục 04 kèm theo)

3. Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về nhân lực:

- Áp dụng cơ chế thi tuyển cán bộ, giảng viên rộng rãi để lựa chọn những người có năng lực, trình độ. Ưu tiên những người đã tốt nghiệp ở nước ngoài, thông thạo ngoại ngữ, có thể giảng dạy bằng tiếng Anh; sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, có trình độ ngoại ngữ ;

- Có chính sách giữ và thu hút chuyên gia giỏi trong nước, các chuyên gia, các giáo sư, phó giáo sư, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú đến tuổi về hưu với chế độ hợp đồng; tận dụng cơ hội hỗ trợ, sử dụng chuyên gia từ các tổ chức nước ngoài.

- Lựa chọn và đầu tư cho đội ngũ giảng viên đầu ngành; Xếp sắp vị trí việc làm phù hợp với năng lực và sở trường của từng cán bộ, giảng viên. Có cơ chế khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong đội ngũ cán bộ, giảng viên.

- Thực hiện các biện pháp sử dụng năng lực đội ngũ giảng viên cơ hữu một cách hợp lý để giảng viên có thời gian đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, trau dồi nghiệp vụ và tham gia hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu. Hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ đi học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài, nhất là ở các nước phát triển.

- Khuyến khích giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ tham gia hoạt động chuyên môn (sáng tác, biểu diễn hoặc các hoạt động nghiệp vụ khác) để có thêm kiến thức thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy. Lấy việc tham gia hoạt động thực tiễn và kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật là một tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy của các giảng viên.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ cho giảng viên. Thường xuyên mở các khoá học về phương pháp giảng dạy, ngoại ngữ, tin học tại trường để nâng cao trình độ cho giảng viên.

Đảm bảo điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ cho các giảng viên, động viên khen thưởng kịp thời các đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học...

b) Giải pháp nâng cao chất lượng của đơn vị:

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; Tăng cường năng lực ngoại ngữ, khuyến khích giảng viên soạn bài và giảng dạy bằng tiếng Anh, ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thiết kế các chương trình, sản phẩm giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Tăng cường kiến thức thực tế, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cho sinh viên

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; Mở rộng quy mô đào tạo ở các bậc, hệ, loại hình đào tạo; Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo; Triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao; Đổi mới chương trình và phát triển giáo trình, tài liệu;

- Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả; đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng;

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý;

- Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo; Hợp tác trao đổi với các cơ sở đào tạo khác;

- Tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo.

c) Giải pháp về nguồn tài chính và đầu tư:

- Đầu tư tăng cường năng lực thiết bị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học;

- Đầu tư sửa chữa xây dựng nhà B thành Trung tâm phát triển nghệ thuật của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội;

- Xây dựng Trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu, lưu trữ và tra cứu thông tin của toàn ngành

- củng cố các nguồn thu từ đào tạo hiện có song song với việc cải cách cơ chế tài chính nội bộ nhằm đảm bảo cơ chế phân phối thu nhập có hiệu quả nhất cho mục tiêu phát triển của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

- Mở rộng các hoạt động dịch vụ, kết hợp với phục vụ người học và cộng đồng (dịch vụ sáng tác, dịch vụ biểu diễn, dịch vụ nghiên cứu, dịch vụ hậu cần cho người học, dịch vụ cung cấp thông tin, dịch vụ đào tạo...).

- Phát triển các hoạt động nghiên cứu theo đơn đặt hàng và các dự án liên kết nghiên cứu với hệ thống các cơ sở nghệ thuật nhằm bổ sung nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Khai thác và triển khai hiệu quả các dự án liên kết đào tạo nước ngoài, một mặt tạo nguồn thu, mặt khác nâng cao năng lực đào tạo theo hướng hội nhập và tạo nền tảng cho việc mở rộng nguồn thu lâu dài.

- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính thích hợp nhằm khai thác nguồn thu hiện tại, đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài; kết hợp với việc nâng cao thu nhập cho người lao động đi đôi với yêu cầu tích lũy để mở rộng và phát triển tổ chức. Giải pháp này được tiến hành song song với tiến trình cải cách chính sách học phí đối với người học.

d) Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Đưa nội dung nghiên cứu khoa học vào chương trình, kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường, của từng khoa, từng tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan trong trường.

- Ban hành quy định cụ thể về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên, đảm bảo kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với giảng dạy và các nhiệm vụ khác theo một tỷ lệ phù hợp với từng chức danh giảng viên.

- Xây dựng quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên hệ chính quy, định hướng cho sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học. Gắn yêu cầu đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ với việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong phạm vi chuyên ngành nghiên cứu.

- Kết hợp chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học với đào tạo, tăng cường hoạt động nghiên cứu các đề tài văn hóa ứng dụng giải quyết những vướng mắc trong thực tế sáng tác, biểu diễn hoặc phổ biến các tác phẩm điện ảnh- truyền hình.

- Có chính sách phù hợp để khuyến khích cán bộ, giảng viên và sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Khuyến khích các ý tưởng khoa học, các đề tài mới, có tính ứng dụng cao. Khuyến khích áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học mới, sáng tạo.

- Đổi mới cơ chế giám sát và đánh giá kết quả nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng các đề tài khoa học.

- Đẩy mạnh hoạt động của Viện nghiên cứu Sân khấu –Điện ảnh.Thành lập các trung tâm nghiên cứu, bảo tồn các ngành nghệ thuật truyền thống trực

thuộc trường. Các Trung tâm này đóng vai trò đầu mối, có năng lực thực hiện các đề tài, chương trình, dự án nghiên cứu khoa học quan trọng về lĩnh vực nghệ thuật truyền thống...

- Xây dựng các khoa thành những đơn vị đào tạo kiêm nghiên cứu khoa học, khuyến khích vai trò chủ động nghiên cứu khoa học của khoa, bộ môn cũng như giảng viên. Hình thành một số Câu lạc bộ nghệ thuật, trung tâm nghiên cứu nghệ thuật chuyên ngành thuộc khoa.

đ) Giải pháp về tổ chức bộ máy và quản lý

- Bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị nhằm tạo sự chủ động và chịu trách nhiệm trong triển khai công việc; bố trí nhân sự hợp lý tương ứng với chức năng đảm nhiệm;

- Xác định phạm vi, đối tượng đào tạo, trách nhiệm và quyền hạn giữa Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội với các cơ sở đào tạo liên kết để vừa tạo sự chủ động vừa đảm bảo thống nhất trong mục tiêu và phương thức đào tạo;

- Thiết lập hệ thống thông tin quản lý hiện đại có khả năng thu thập, chuyển tải thông tin hai chiều nhanh, cập nhật, đầy đủ theo yêu cầu của mọi đối tượng.

e) Giải pháp khác

* Giải pháp phát triển chương trình và học liệu

- Hình thành bộ phận chuyên trách xây dựng và phát triển chương trình đào tạo với chức năng điều chỉnh, bổ sung các chương trình hiện hành đồng thời thiết kế các chương trình và môn học mới căn cứ vào khảo sát nhu cầu của sự phát triển, tiếp cận sự phát triển các chuyên ngành của các nước và điều kiện nguồn lực của Trường Đại học Sân khấu -Điện ảnh Hà Nội trong từng thời kỳ.

- Phối hợp với các cơ sở thực tế trong xây dựng chương trình đào tạo. Tiến hành rà soát tổng thể, thường xuyên, nội dung chương trình nhằm đảm bảo mục tiêu đào tạo và đáp ứng nhu cầu, đúng định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Tạo cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên với hệ thống thư viện nhằm đảm bảo nguồn tài liệu học tập đủ, theo kịp sự phát triển chuyên ngành về lý luận cũng như thực tế.

- Tận dụng các cơ hội hợp tác quốc tế trong phát triển chương trình đào tạo và học liệu; sử dụng từng phần hoặc tổng thể chương trình đào tạo của các nước tiên tiến, với định hướng không làm mất đi bản sắc văn hóa Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống giáo trình giảng dạy và chương trình thực hành nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề của xã hội.

* Giải pháp đổi mới phương pháp đào tạo

- Tập trung vào đào tạo đội ngũ giảng viên về chuyên môn, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng thành thạo các phương tiện giảng dạy, kỹ năng thực hành.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy các ngành nghệ thuật truyền thống, kết hợp giữa truyền nghề, luyện kỹ năng với dạy và học qua băng hình; vở diễn, trích đoạn vai mẫu...Coi trọng việc giữ gìn vốn cổ; mạnh dạn cách tân, nâng cao nhưng vẫn giữ được bản sắc truyền thống, không bị lai căng.

- Đổi mới đồng bộ cách ra đề, đánh giá người học và đánh giá trình độ giảng viên nhằm khuyến khích phương pháp giảng dạy chủ động tích cực và hiệu quả chuyển tải thông tin trong một giờ học.

- Tạo cơ chế khuyến khích hình thành hệ thống thông tin về môn học trên mạng nhằm hướng dẫn người học một cách cụ thể và chuẩn hoá kiến thức của từng môn học.

- Thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên với các cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ sở đào tạo trong nước có uy tín.

- Trang bị hệ thống các phương tiện giảng dạy hiện đại, tiếp cận được những tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình; lĩnh vực âm thanh, ánh sáng sân khấu... khuyến khích việc gắn giữa giảng lý thuyết với các phương pháp rèn luyện kỹ năng tư duy, thực hành và giải quyết tình huống.

III. Kiến nghị, đề xuất

a. Đối với chính phủ:

- Cho phép Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đổi tên thành Học viện nghệ thuật Sân khấu - Điện ảnh Quốc gia (Tên tiếng Anh: Vietnam National Academy of Art Theatre and Cinema).

- Có cơ chế, chính sách phát huy sáng tạo nghệ thuật và cơ chế, chính sách đặc thù đối với nghệ sĩ giảng viên, sinh viên các trường đào tạo nghệ thuật;

b) Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Đầu tư kinh phí để Nhà trường hoàn thiện đầy đủ việc biên soạn giáo trình của tất cả các môn học trong các chương trình đào tạo hiện nay.

- Tăng chỉ tiêu biên chế để phù hợp với cấu trúc mô hình đào tạo chuyên sâu, tính chất đào tạo đặc thù của Trường.

- Tạo điều kiện để Trường có thể thu hút được nguồn cán bộ giỏi, xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn có tâm, có tài.

- Tự chủ trong việc tuyển chọn cán bộ, giảng viên và cán bộ nghiên cứu phù hợp với đặc thù của trường nghệ thuật đa ngành nghề, đa lĩnh vực.

- Tăng thêm kinh phí cho công tác đối ngoại và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Đầu tư hoàn thiện dự án xây dựng Trường đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt nhằm góp phần xây dựng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh - truyền hình có uy tín trong cả nước và trong khu vực; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành nghề thuật của cả nước vào những thập kỉ đầu thế kỉ XXI.

- Đầu tư xây dựng khu nhà B.

c) Với các Bộ, ngành, địa phương liên quan

Cho trường cơ chế hoạt động dựa trên cơ sở tính đặc thù của đào tạo nghệ thuật:

- Vận dụng linh hoạt quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo cho phù hợp với đặc thù của trường nghệ thuật đa ngành nghề, đa lĩnh vực.

- Tự chủ trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các đối tác trong, ngoài nước.

- Tự chủ trong mức thu học phí đối với trường đào tạo nghệ thuật và lộ trình tăng học phí.

- Chấp thuận những nghệ sĩ đã tốt nghiệp đại học, có danh hiệu (được nhà nước công nhận), đã có nhiều tác phẩm, nhiều kinh nghiệm sáng tác là những người đủ điều kiện là giảng viên đại học.

- Tạo điều kiện cho Nhà trường giải quyết nhanh các thủ tục liên quan đến việc thực hiện các chương trình hành động trong từng giai đoạn phát triển./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH
HÀ NỘI
Nguyễn Đình Thi

Phụ lục 01

CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Mô hình, cơ chế hoạt động	2011-2015	2016-2020	2030
1	Diện tích trụ sở (m2) (phụ lục 1a)			
2	Tổng diện tích đất (ha)	2,06	2,06	3,0

Phụ lục 1a

TÀI SẢN LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Địa chỉ:

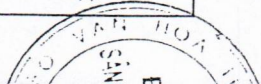
I - Về đất:

a - Diện tích khuôn viên đất:

b - Hiện trạng sử dụng (Làm trụ sở làm việc, làm cơ sở hoạt động động sự nghiệp, làm nhà ở, cho thuê, bỏ trống, bị lấn chiếm, sử dụng vào mục đích khác).

II - Về nhà:

STT	Tài sản	Cấp, hạng	Năm xây dựng	Ngày, tháng, năm sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)				Số tầng	Diện tích XD (m2)	Tổng diện tích XD (m2)	Hiện trạng sử dụng (m2)					Tình trạng chất lượng
					Nguyên giá		Giá trị còn lại	Cơ sở HDSN				Sử dụng khác					
					Nguồn NS	Nguồn khác.						Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Nhà (B) N2	2	1958		2,467,888,000			3		2,659,83							
2	Nhà (C1) N3	2	2000		3,428,310,000			2		1,393,93							
3	Nhà D (N4)	2	3		11,465,860,143		8,358,184,153	3		1,200,00						72	
4	Nhà E (N5)	3	1959		2,666,296,000			4		2,487,43							
5	Nhà N6	4	1976		129,466,000			1		198,28							
6	Nhà căng tin (N7)	4	2005		129,466,000			1		147,00							
7	Nhà để xe (N8)	4	2005		444,098,000		185,548,599	1		219,00						41	
8	Nhà N9	2	2005		1,099,871,617			2		557,17							
9	Nhà cầu	4	2000					1		137,64							
10	Nhà xe	4	1998					1		80,08							
11	Nhà A1				36,311,346,644		34,854,721,359	7		4,096,00						96	
12	Nhà A2				70,264,810,876		68,859,514,658	9		10,000,00						98	
13	Nhà A3				18,391,686,392		17,656,018,936	3		1,392,00						96	
Tổng cộng																	



Phụ lục 02

ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC

TT	Nội dung	2011-2015	2016-2020	2030
I	Số lượng người làm việc			
1	Được cấp có thẩm quyền giao, trong đó:	230	245	260
	- <i>Biên chế sự nghiệp</i>	222	235	247
	- <i>Hợp đồng theo Nghị định 68</i>	8	10	13
2	Số người làm việc theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, trong đó:	230	245	260
	- <i>Hoạt động sự nghiệp</i>	194	200	214
	- <i>Hợp đồng theo Nghị định 68</i>	8	8	13
	- <i>Khác (Hợp đồng ngắn hạn)</i>	28	37	33
II	Trình độ chuyên môn			
1	Giáo sư	0	2	8
2	Phó Giáo sư	4	9	25
3	Tiến sĩ	10	24	47
4	Thạc sĩ	89	117	111
5	Đại học	95	64	46
6	Cao đẳng	8	6	10
7	Trung cấp	3	3	3
8	Trình độ khác (theo yêu cầu cụ thể đối với loại hình, lĩnh vực hoạt động của đơn vị)	21	20	10
III	Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp			
1	Chuyên viên cao cấp và tương đương	4	15	40
2	Chuyên viên chính và tương đương	31	55	85
3	Chuyên viên và tương đương	155	136	100
4	Kỹ thuật viên và tương đương	17	19	17
5	Khác	23	20	18

Date		Description		Amount	
1900	Jan 1	Balance		100.00	
1900	Jan 15	Received from A. B.		50.00	
1900	Feb 1	Received from C. D.		25.00	
1900	Mar 1	Received from E. F.		75.00	
1900	Apr 1	Received from G. H.		100.00	
1900	May 1	Received from I. J.		150.00	
1900	Jun 1	Received from K. L.		200.00	
1900	Jul 1	Received from M. N.		250.00	
1900	Aug 1	Received from O. P.		300.00	
1900	Sep 1	Received from Q. R.		350.00	
1900	Oct 1	Received from S. T.		400.00	
1900	Nov 1	Received from U. V.		450.00	
1900	Dec 1	Received from W. X.		500.00	
1900	Dec 31	Total		2500.00	

TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2011-2015	2016-2020	2030
1	Tổng thu	52,946	58,500	59,800
	- Ngân sách NN cấp	39,281	41,400	41,800
	- Thu phí, lệ phí (phần để lại chi)	10,311	13,000	13,500
	- Thu hoạt động KDDV	1,800	2,300	2,500
	- Thu khác	1,554	1,800	2,000
2	Tổng chi	50,000	54,860	55,880
	- Chi hoạt động thường xuyên	40,272	43,000	43,500
	- Chi hoạt động KDDV	250	360	380
	- Chi sự nghiệp khác	9,478	11,500	12,000
	- Nộp ngân sách			
3	Trích lập các quỹ			



100

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

100

100

100

100

100

100